TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN C** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 25-3-2024
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH ĐỒNG THÁP

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Lê Văn Ngọc.
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Ánh.
2. Ông Lê Văn Vững.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Hồ Tấn Đạt – Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 25 tháng 3 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 57/2024/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 01 năm 2024 về việc: *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 55/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 02 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 31/2024/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Minh M, sinh năm 1989.
Địa chỉ: tổ 2, ấp 4, xã M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.
- Bị đơn: Chị Ngô Thị Tú Q, sinh năm 1996.
Địa chỉ: tổ 2, ấp 4, xã M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.
(Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm anh Nguyễn Minh M là nguyên đơn trình bày:

- Về hôn nhân: Anh M và chị Q quen biết, được hai bên gia đình đồng ý tổ chức đám cưới vào năm 2014 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Thời gian sau này phát sinh nhiều mâu thuẫn, hay có lời qua tiếng lại làm cho không khí gia đình lúc nào cũng căng thẳng. Vợ chồng đã sống ly thân khoảng năm 01 năm nay. Nhận thấy hôn nhân không còn hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không còn nên

nay anh Nguyễn Minh M yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Ngô Thị Tú Q.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Minh Trung, sinh ngày 30/8/2015. Hiện nay con chung sống với anh M. Khi ly hôn anh yêu cầu được quyền nuôi con chung và không yêu cầu chị Q cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là chị Ngô Thị Tú Q đã được tống đạt các văn bản tố tụng của Tòa án và được triệu tập xét xử hợp lệ, biết nội dung yêu cầu khởi kiện của anh M nhưng không có ý kiến, không tham gia hòa giải và không có mặt tại phiên tòa sơ thẩm.

- Tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án gồm:

+ Giấy chứng nhận kết hôn (bản chính).

+ Giấy CCCD của anh M (bản photo).

+ Giấy khai sinh con chung (bản sao).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Anh Nguyễn Minh M có đơn yêu cầu được ly hôn, tranh chấp nuôi con với chị Ngô Thị Tú Q. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"*.

Chị Ngô Thị Tú Q là bị đơn trong vụ kiện có địa chỉ ở tổ 2, ấp 4, xã M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp. Căn cứ vào khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

[2] Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh M và chị Q quen biết, được hai bên gia đình đồng ý tổ chức đám cưới vào năm 2014 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp, do đó hôn nhân giữa anh M và chị Q là hợp pháp. Anh M cho rằng thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Thời gian sau này phát sinh nhiều mâu thuẫn, hay có lời qua tiếng lại làm cho không khí gia đình lúc nào cũng căng thẳng. Vợ chồng đã sống ly thân khoảng năm 01 năm nay. Nhận thấy hôn nhân không còn hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không còn nên nay anh Nguyễn Minh M yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Ngô Thị Tú Q.

Khi giải quyết vụ kiện, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và triệu tập chị Ngô Thị Tú Q tham gia phiên hòa giải, phiên tòa nhưng chị Q vắng

mặt không có lý do cũng như không có ý kiến đối với yêu cầu ly hôn của anh M. Xét thấy giữa anh M và chị Q không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Như vậy, mục đích hôn nhân của anh, chị không đạt được. Nay anh M yêu cầu ly hôn với chị Q là có căn cứ để chấp nhận.

Từ những căn cứ nêu trên đủ cơ sở để xác định hôn nhân giữa anh M và chị Q mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của anh Nguyễn Minh M.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Minh Trung, sinh ngày 30/8/2015. Hiện nay con chung sống với anh M. Khi ly hôn anh yêu cầu được quyền nuôi con chung và không yêu cầu chị Q cấp dưỡng nuôi con.

Hội đồng xét xử xét thấy, việc giao con chung cho anh M hay cho chị Q nuôi dưỡng là cần xem xét về điều kiện, quyền lợi mọi mặt của con chung.

Trong quá trình giải quyết vụ án, anh M cho rằng con chung đang sinh sống với anh M và anh M có yêu cầu nuôi con chung, không yêu cầu chị Q cấp dưỡng nuôi con. Chị Q vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án nên không có lời trình bày.

Theo khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: "*Vợ chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 7 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con* ".

Xét thấy từ khi anh M, chị Q xảy ra mâu thuẫn đến nay, anh M là người trực tiếp chăm sóc con chung. Bên cạnh đó theo văn bản ghi ý kiến của con chung thì con chung có nguyện vọng được sống với anh M. Do đó để con chung tên Nguyễn Minh Trung, sinh ngày 30/8/2015 cho anh M được tiếp tục nuôi dưỡng. Chị Q không phải cấp dưỡng nuôi con do anh M không có yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nuôi, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án có thẩm quyền hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

- Về tài sản chung: Anh M trình bày không có, không yêu cầu giải quyết; chị Q không có ý kiến về phần tài sản chung và không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Anh M trình bày vợ chồng không có nợ ai và cũng không cho ai nợ nên không yêu cầu giải quyết; chị Q không có ý kiến đối với phần nợ chung và không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

** Về trách nhiệm chịu án phí:*

Anh Nguyễn Minh M phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Minh M.

- Về hôn nhân: Anh Nguyễn Minh M được ly hôn với chị Ngô Thị Tú Q.

- Về con chung: Anh Nguyễn Minh M được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Minh Trung, sinh ngày 30/8/2015. Chị Q không phải cấp dưỡng nuôi con do anh M không có yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nuôi, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án có thẩm quyền hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

- Về tài sản chung: Anh M trình bày không có, không yêu cầu giải quyết; chị Q không có ý kiến về phần tài sản chung và không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Anh M trình bày vợ chồng không có nợ ai và cũng không cho ai nợ nên không yêu cầu giải quyết; chị Q không có ý kiến đối với phần nợ chung và không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Anh Nguyễn Minh M phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0002977 ngày 30 tháng 01 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C. Như vậy tiền án phí đương sự đã nộp xong.

Các đương sự được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKS HTM;
- Toà án Tỉnh;
- UBND xã M (Giấy CNKH số 96 ngày 14/11/2014);
- Lưu: Hồ sơ vụ án (Đ).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Văn Ngọc